

MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI KHẢ NĂNG XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG LIÊN MINH CHÂU ÂU

Khả năng xuất khẩu của sản phẩm là tổng hòa khả năng xuất khẩu của doanh nghiệp, ngành và quốc gia. Như vậy, có thể nói các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng xuất khẩu của sản phẩm bao hàm các yếu tố từ phạm vi doanh nghiệp, ngành cho đến quốc gia. Nhìn chung, các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng xuất khẩu của sản phẩm trong thương mại quốc tế có thể được tập hợp thành các nhóm cơ bản như:

1. Nhóm các nhân tố nội tại của doanh nghiệp

Nhóm nhân tố này bao gồm các nhân tố như: Khả năng tài chính; trình độ công nghệ, thiết bị sản xuất, giá thành sản phẩm, nguồn nhân lực...

Khả năng tài chính của doanh nghiệp giúp cho doanh nghiệp chủ động trong việc huy động nguồn vốn để có thể sản xuất, kinh doanh, từ đó có thể huy động nguồn hàng, sử dụng và hiệu quả các nguồn quỹ của doanh nghiệp vào việc đầu tư và phát triển. Việc sử dụng hợp lý và phát huy khả năng tài chính của doanh nghiệp sẽ là nhân tố ảnh hưởng đến khả năng xuất khẩu sản phẩm của doanh nghiệp rất nhiều. Khả năng tài chính sẽ là nhân tố quyết định đến những nhân tố khác trong việc xác định khả năng xuất khẩu sản phẩm của doanh nghiệp.

Trình độ công nghệ trong việc sản xuất và kinh doanh, của các doanh nghiệp xuất khẩu ảnh hưởng rất nhiều đến khả năng xuất khẩu sản phẩm của doanh nghiệp trong việc sản xuất, đảm bảo chất lượng sản phẩm để tạo được lợi thế cạnh tranh. Việc tiếp cận với các công nghệ hiện đại để đảm bảo chất lượng sản phẩm hạ giá thành sản phẩm, trình độ công nghệ sẽ giúp doanh nghiệp đảm bảo những tiêu chuẩn của quốc tế về chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm. Đây cũng là nhân tố ảnh hưởng đến việc doanh nghiệp tiếp cận với thị trường trong và ngoài nước trong các công việc khác liên quan đến việc thực hiện và thanh toán hợp đồng như: bảo quản, lưu kho sản phẩm, đóng gói, thanh toán.

Thiết bị sản xuất là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến sản phẩm xuất khẩu. Các thiết bị hiện đại hay lạc hậu sẽ quyết định đến năng suất và chất lượng của

sản phẩm, từ đó sẽ ảnh hưởng đến thời gian thực hiện đơn hàng. Các thiết bị sản xuất còn là nhân tố ảnh hưởng đến nguồn tài chính của doanh nghiệp trong việc đầu tư, cải tiến, bảo trì thiết bị sản xuất.

Giá thành sản phẩm là một trong những yếu tố giúp cho doanh nghiệp xây dựng được năng lực cạnh tranh. Từ đó, có nhiều ảnh hưởng đến khả năng xuất khẩu sản phẩm của doanh nghiệp. Với một giá thành cạnh tranh và hợp lý, doanh nghiệp sẽ thu hút được nhiều bạn hàng, từ đó sẽ giúp doanh nghiệp phát triển và xuất khẩu được nhiều sản phẩm hơn. Giá thành sản phẩm còn biểu hiện việc doanh nghiệp có chiến lược, hoạt động kinh doanh hiệu quả và tổ chức hoạt động xuất khẩu hợp lý. Với việc xuất khẩu được nhiều hàng hoá sẽ giúp cho doanh nghiệp có được cơ hội để có thể cải tiến hoạt động, nâng cao được cơ hội cạnh tranh và xuất khẩu được nhiều sản phẩm hơn.

Nguồn nhân lực, yếu tố con người luôn đóng vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất, kinh doanh của một doanh nghiệp. Do đó, quy mô và chất lượng lao động sẽ quyết định thành công hay thất bại của doanh nghiệp. Quy mô nguồn nhân lực biểu hiện ở một số tiêu chí như sau: số lượng lao động trong doanh nghiệp, số lượng lao động mà doanh nghiệp có thể điều động trong một khoảng thời gian nhất định, tốc độ tăng trưởng hằng năm về số lượng lao động, nhu cầu về nhân lực trong tương lai của doanh nghiệp... Vì các sản phẩm của doanh nghiệp xuất khẩu là nhằm bán ra trên thị trường nước ngoài phải đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế cũng như các tiêu chuẩn của thị trường nước nhập khẩu, do đó, chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho xuất khẩu thường xuyên được yêu cầu cao hơn, khắt khe hơn so với nhân lực sản xuất những sản phẩm bán cho thị trường nội địa. Trước hết, chất lượng nguồn nhân lực được biểu hiện thông qua tỷ lệ lao động có trình độ học vấn, bằng cấp, đã qua đào tạo, tỷ lệ lao động có kinh nghiệm trong doanh nghiệp, số lượng chuyên gia, số lượng người được nhận các chứng chỉ được quốc tế công nhận. Bên cạnh đó, trình độ ngoại ngữ, tin học của nhân viên cũng là một đòi hỏi quan trọng đối với nhân viên của các doanh nghiệp xuất khẩu, đặc biệt là các doanh nghiệp có website thương mại điện tử mua bán trực tuyến.

Các chính sách đãi ngộ đối với người lao động là động lực kích thích sự lao động hăng say, sáng tạo của đội ngũ nhân viên. Các chính sách về lương, thưởng, chính sách hỗ trợ đào tạo, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật, bổ nhiệm... có

vai trò to lớn duy trì và phát huy đối với nhân tố nguồn nhân lực của năng lực xuất khẩu.

2. Nhóm nhân tố môi trường kinh doanh trong nước

Môi trường kinh doanh trong nước với các nhân tố như: sự phát triển của nền kinh tế, cơ sở hạ tầng, hệ thống chính sách pháp luật hiện hành,... cũng có những ảnh hưởng nhất định đến năng lực xuất khẩu của doanh nghiệp.

Sự phát triển của nền kinh tế tạo thuận lợi cho môi trường kinh doanh trong nước, thúc đẩy hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp. Từ đó, năng lực xuất khẩu của doanh nghiệp được nâng lên, doanh nghiệp có thể tham nhập được vào thị trường các nước khác nhau.

Cơ sở hạ tầng như: đường giao thông, điện, nước, hệ thống thông tin liên lạc, cầu cảng, sân bay,... có thể tạo thuận lợi hoặc gây khó khăn trong việc lưu thông, xuất khẩu hàng hoá của doanh nghiệp. Do đó, việc cải thiện cơ sở hạ tầng cũng giúp nâng cao năng lực xuất khẩu của doanh nghiệp.

Hệ thống chính sách pháp luật hiện hành có liên quan đến hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp tạo nên môi trường pháp lý chi phối hiệu quả hoạt động xuất khẩu. Sự hoàn thiện, ổn định và minh bạch của hệ thống chính sách pháp luật tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu và góp phần nâng cao năng lực xuất khẩu của doanh nghiệp.

3. Nhóm nhân tố thị trường Liên minh châu Âu

3.1 Tập quán, thị hiếu tiêu dùng, kênh phân phối:

Tập quán, thị hiếu tiêu dùng.

Đây là yếu tố ảnh hưởng rất lớn đến khả năng xuất khẩu sản phẩm của Việt Nam sang thị trường Liên minh châu Âu, bởi vì các sản phẩm muốn tiêu thụ được hay không là phải phù hợp với thị hiếu và tập quán tiêu dùng của thị trường mà mình bán sản phẩm.

Liên minh châu Âu là một thị trường rộng lớn với 28 quốc gia và hơn 500 triệu người tiêu dùng. Đây là một thị trường thống nhất cho phép tự do lưu chuyển lao động, hàng hoá, dịch vụ và vốn giữa các thành viên. Mỗi thị trường thành viên có đặc điểm tiêu dùng riêng. Do vậy, có thể thấy rằng, thị trường Liên minh châu Âu có nhu cầu rất đa dạng và phong phú về sản phẩm. Tuy có

những khác biệt nhất định về tập quán và thị hiếu tiêu dùng giữa các thị trường quốc gia trong khối Liên minh châu Âu, nhưng 28 nước thành viên có những điểm tương đồng về kinh tế và văn hoá. Điều này được biểu hiện ở các mặt sau:

Thứ nhất, người tiêu dùng Liên minh châu Âu có thói quen sử dụng các sản phẩm nổi tiếng thế giới. Quan điểm tiêu dùng của thị trường Liên minh châu Âu cho rằng những nhãn hiệu thường gắn liền với chất lượng. Người tiêu dùng Liên minh châu Âu rất sợ mua những sản phẩm có nhãn hiệu ít người biết đến vì họ cho rằng, những sản phẩm của các nhà sản xuất không có danh tiếng sẽ không đảm bảo về chất lượng, vệ sinh thực phẩm và không an toàn cho người sử dụng.

Thứ hai, thị trường Liên minh châu Âu về cơ bản cũng giống như một thị trường quốc gia, do vậy có ba nhóm người tiêu dùng khác nhau: (1) Nhóm có khả năng thanh toán ở mức cao, chiếm gần 20 % dân số của Liên minh châu Âu, dùng hàng có chất lượng tốt nhất và giá cả đắt nhất hoặc những sản phẩm hiếm và độc đáo; (2) Nhóm có khả năng thanh toán ở mức trung bình, chiếm 68 % dân số, sử dụng chủng loại sản phẩm có chất lượng kém hơn một chút so với nhóm 1 và giá cả cũng rẻ hơn; (3) Nhóm có khả năng thanh toán ở mức thấp, chiếm hơn 10 % dân số, tiêu dùng những loại hàng có chất lượng và giá cả đều thấp hơn so với hàng của nhóm (2). Sản phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trên thị trường này gồm cả hàng cao cấp lẫn hàng bình dân phục vụ cho mọi đối tượng.

Thứ ba, xu hướng tiêu dùng trên thị trường Liên minh châu Âu đang có những thay đổi như: không thích sử dụng đồ nhựa mà thích dùng đồ gỗ, thích ăn thủy sản hơn ăn thịt, yêu cầu về mẫu mới và kiểu dáng sản phẩm thay đổi nhanh (đặc biệt đối với những mặt hàng thời trang giày dép, quần áo...). Ngày nay, người châu Âu cần nhiều chủng loại sản phẩm với số lượng lớn và những sản phẩm có vòng đời ngắn.

Tuy có sự thay đổi về sở thích và thói quen tiêu dùng như vậy, nhưng chất lượng sản phẩm vẫn là yếu tố quyết định đối với phần lớn các sản phẩm được tiêu thụ trên thị trường này.

Kênh phân phối:

Hệ thống phân phối Liên minh châu Âu về cơ bản cũng giống như hệ thống phân phối của một quốc gia, gồm mạng lưới bán buôn và mạng lưới bán lẻ. Hình thức tổ chức phổ biến nhất của các kênh phân phối trên thị trường Liên minh châu Âu là theo tập đoàn. Rất ít trường hợp các siêu thị lớn hoặc các công ty bán lẻ độc lập mua hàng trực tiếp từ các nhà xuất khẩu nước ngoài. Mỗi quan hệ bán hàng giữa các nhà bán buôn và bán lẻ trên thị trường Liên minh châu Âu không phải ngẫu nhiên mà phần lớn là do có quan hệ tín dụng và mua cổ phần của nhau. Các nhà bán buôn và bán lẻ trong hệ thống phân phối của Liên minh châu Âu thường có quan hệ làm ăn lâu đời và rất ít khi mua hàng của nhà cung cấp không quen biết, cho dù giá hàng có rẻ hơn nhiều, vì với họ uy tín kinh doanh với khách hàng được đặt lên hàng đầu, mà muốn giữ được điều này thì sản phẩm phải đảm bảo chất lượng và nguồn cung cấp ổn định. Họ liên kết với nhau chặt chẽ thành một chuỗi mắt xích trong kinh doanh bằng các hợp đồng kinh tế. Hệ thống phân phối của Liên minh châu Âu đã hình thành nên một tổ hợp rất chặt chẽ và có nguồn gốc lâu đời. Tiếp cận được hệ thống phân phối này không phải là việc dễ đối với các nhà xuất khẩu của Việt Nam hiện nay.

3.2 Chính sách thương mại của Liên minh châu Âu

Một, chính sách thương mại nội khối:

Chính sách thương mại nội khối tập trung vào việc xây dựng và vận hành thị trường chung châu Âu nhằm xóa bỏ việc kiểm soát biên giới lãnh thổ quốc gia, biên giới hải quan (xóa bỏ các hàng rào thuế quan và phi thuế quan) để tự do lưu thông sản phẩm, sức lao động, dịch vụ và vốn, điều hòa các chính sách kinh tế và xã hội của các nước thành viên. Thị trường chung châu Âu dựa trên nền tảng của việc tự do lưu chuyển bốn yếu tố cơ bản của sản xuất: sản phẩm, sức lao động, dịch vụ và vốn. Cụ thể là, mọi rào cản về thuế quan, hạn ngạch đánh vào sản phẩm xuất, nhập khẩu giữa các quốc gia thành viên đều được xóa bỏ, người dân được tự do đi lại, di chuyển và cư trú, tự do cung cấp dịch vụ, tự do hưởng các dịch vụ và hơn nữa, vốn cũng được tự do lưu chuyển. Chính sách thương mại nội khối của Liên minh châu Âu bảo đảm tạo ra các cơ hội tương tự cho mọi người trong thị trường chung và ngăn ngừa cạnh tranh được tạo ra do sự méo mó về thương mại. Một thị trường đơn lẻ không thể vận hành một cách suôn sẻ nếu như không thống nhất các điều kiện cạnh tranh áp dụng. Vì mục

đích này, các nước Liên minh châu Âu đều nhất trí tạo ra một hệ thống bảo hộ sự cạnh tranh tự do trên thị trường.

Hai, chính sách ngoại thương. Tất cả các thành viên Liên minh châu Âu cùng áp dụng một chính sách ngoại thương chung đối với các nước ngoài khối. Ủy ban châu Âu là người đại diện duy nhất cho Liên minh trong việc đàm phán, ký kết các hiệp định thương mại và dàn xếp tranh chấp trong lĩnh vực này. Chính sách ngoại thương của Liên minh châu Âu gồm: Chính sách thương mại tự trị và chính sách thương mại dựa trên cơ sở hiệp định được xây dựng dựa trên các nguyên tắc sau: Không phân biệt đối xử, minh bạch, có đi có lại và cạnh tranh công bằng. Các biện pháp được áp dụng phổ biến trong chính sách này là thuế quan, hạn chế về số lượng, hàng rào kỹ thuật, chống bán phá giá và trợ cấp xuất khẩu.

Liên minh châu Âu đang thực hiện chương trình mở rộng sản phẩm: Đẩy mạnh tự do hóa thương mại (giảm dần thuế quan đánh vào sản phẩm xuất, nhập khẩu và tiến tới xóa bỏ hạn ngạch, hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập). Hiện nay, 28 nước thành viên Liên minh châu Âu cũng áp dụng biểu thuế quan chung đối với sản phẩm xuất, nhập khẩu.

Không chỉ dừng lại ở việc áp dụng các biện pháp chống cạnh tranh không lành mạnh trong thương mại, Liên minh châu Âu còn sử dụng một biện pháp để đẩy mạnh thương mại với các nước đang phát triển và chậm phát triển. Đó là hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) là một công cụ quan trọng của Liên minh châu Âu để hỗ trợ các nước nói trên.

3.3 Hàng rào cản thương mại của Liên minh châu Âu

Liên minh châu Âu là một trong những thị trường xuất khẩu trọng điểm của hàng hóa Việt Nam, tuy nhiên, đây cũng là thị trường khó tính với hàng loạt các rào cản thương mại (thuế quan và phi thuế quan) tiêu chuẩn cao. Điều này đã gây nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam khi tiếp cận thị trường Liên minh châu Âu, do doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hạn chế về trình độ, phụ thuộc vào thị trường nước ngoài làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh - xuất khẩu của Việt Nam. Mặt khác, khả năng kiểm định, giám định sản phẩm còn hạn chế và giá thành kiểm định, giám định cao. Để vượt qua các rào cản thương mại của Liên minh châu Âu, cần phải triển khai đồng bộ các giải pháp từ phía Nhà nước, từ hiệp hội và các doanh

ngiệp xuất khẩu. Hệ thống rào cản thương mại của Liên minh châu Âu hoàn toàn dựa theo các quy định trong Hiệp định chung về thuế quan và thương mại của Tổ chức thương mại thế giới, được chia thành hai loại:

Một là rào cản thuế quan: đây là một yếu tố gây trở ngại lớn cho khả năng xuất khẩu của sản phẩm vào thị trường Liên minh châu Âu, tuy nhiên, yếu tố này sẽ không còn là trở ngại khi Việt Nam và Liên minh châu Âu ký Hiệp định tự do thương mại.

Thuế nhập khẩu:

Chế độ thuế quan chung (CCT) được áp dụng cho tất cả các nước thành viên Liên minh châu Âu. Thuế suất phụ thuộc vào loại hàng và xuất xứ của hàng hoá nhập khẩu, được xây dựng trên nguyên tắc: những sản phẩm trong nước chưa sản xuất được, hoặc sản xuất không đủ, hoặc cần thiết để phát triển những ngành sản xuất trong nước thì sẽ được miễn thuế hoặc hưởng thuế suất thấp. Ngược lại, những sản phẩm trong nước đã sản xuất đủ hay để khuyến khích trong nước tự sản xuất thì sẽ phải chịu thuế suất cao. Theo nguyên tắc này, hầu hết các nguyên liệu nhập vào Liên minh châu Âu được miễn thuế nhập khẩu hoặc chịu thuế suất thấp, còn các sản phẩm nông sản thực phẩm phải chịu mức thuế cao hoặc thuế đặc biệt. Cụ thể, các sản phẩm thịt, sản phẩm sữa, ngũ cốc, rau, hoa quả chế biến và không chế biến chịu mức thuế cao nhất từ 0 % đến 47,08 %; đối với hàng không phải nông sản, có mức thuế từ 0 % đến 36,6 %¹. Để tăng sức cạnh tranh của hàng hoá và đẩy mạnh xuất khẩu, bên cạnh việc miễn thuế hoặc đánh thuế thấp, đối với các nguyên phụ liệu, bán thành phẩm nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, Liên minh châu Âu còn cho phép được “treo thuế”, nghĩa là khi nhập nguyên liệu chỉ tính thuế chứ chưa phải đóng thuế, khi xuất hàng trở ra, sẽ tính toán bù trừ và doanh nghiệp chỉ phải đóng thuế phần nguyên liệu không dùng để làm hàng xuất khẩu.

Về hàng hoá: biểu thuế quan của Liên minh châu Âu có các mức thuế khác nhau: nhóm thứ nhất áp dụng đối với nhập khẩu từ các nước có thực hiện quy chế tối huệ quốc (MFN); nhóm thứ hai là thuế quan ưu đãi (hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập), áp dụng đối với hàng nhập khẩu từ các nước đang phát triển, được hưởng đơn thuần ưu đãi hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập của Liên

¹Official Journal of the European Union (2016): Commission Implementing Regulation (EU) 2016/1821 of 6 October 2016 amending Annex I to Council Regulation (EEC) No 2658/87 on the tariff and statistical nomenclature and on the Common Customs Tariff, Volume 59, 28-10-2016

minh châu Âu; nhóm thứ ba, được gọi là thuế quan đặc biệt, thực hiện đối với hàng nhập khẩu từ các nước đang phát triển được hưởng hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập kèm với những ưu đãi theo các hiệp định song phương.

Để được hưởng hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập, các nước phải là nước chậm và đang phát triển (Liên minh châu Âu quy định phải có thu nhập bình quân đầu người < 6.000 USD/năm).

Thuế quan bảo hộ:

Các sản phẩm thực phẩm: Thuế đối với các sản phẩm thực phẩm đã được ban hành và thực thi ở Liên minh châu Âu trong nỗ lực nhằm bảo hộ sản xuất thực phẩm nội khối. Đối tượng điều chỉnh của chính sách này bao gồm cả sản phẩm nông nghiệp ôn đới. Các loại thuế được hợp nhất thành một hệ thống giá khởi điểm. Nếu giá nhập khẩu nằm dưới giá khởi điểm tối thiểu, một mức thuế bổ sung được đánh thêm vào thuế hải quan, mức thuế và giá khởi điểm phụ thuộc vào lý do này (Ví dụ: các sản phẩm bị ảnh hưởng là cam, quýt và nho).

Thuế tiêu thụ là thuế áp dụng đối với một số sản phẩm phụ thuộc vào dung lượng và áp dụng phổ biến đối với các sản phẩm nội địa và hàng nhập khẩu. Ví dụ, các sản phẩm đang phải đương đầu với loại thuế này là đồ uống có cồn và không có cồn, thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá, dầu khoáng sản được sử dụng làm nhiên liệu. Thuế tiêu thụ đánh vào dầu và các sản phẩm dầu bao gồm cả một loại “Thuế xanh” để gây quỹ thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường. Điều đó nhấn mạnh rằng, thuế tiêu thụ không được hài hòa ở Liên minh châu Âu. Do vậy, mức thuế tiêu thụ đối với một số sản phẩm nhất minh châu Âu, định có thể rất khác biệt giữa các nước thành viên

Thuế giá trị gia tăng được áp dụng cho tất cả các loại hàng hoá được bán ở Liên minh châu Âu. Nhìn chung, mức thuế giá trị gia tăng thấp đối với các sản phẩm thiết yếu và mức thuế cao được áp dụng cho các sản phẩm cao cấp. Thuế giá trị gia tăng được xác định bằng tỷ lệ phần trăm trên giá CIF (giá tại cửa khẩu của bên nhập, bao gồm chi phí bảo hiểm, vận chuyển hàng hóa tới cửa khẩu của bên nhập). Hiện nay, mức thuế giá trị gia tăng ở mỗi thành viên đều khác nhau.

Thuế chống bán phá giá là thuế đánh vào các sản phẩm nhập khẩu được bán ở Liên minh châu Âu ở mức giá thấp hơn so với mức giá được bán ở nước sản xuất. Khi các sản phẩm nhập khẩu gây ảnh hưởng tiêu cực nghiêm trọng đối

với một ngành công nghiệp nội địa của Liên minh châu Âu, ngành công nghiệp này có thể gửi đơn kiện đến Liên minh châu Âu. Nếu qua điều tra nhận thấy có hiện tượng bán phá giá, thì thuế chống bán phá giá được áp dụng đối với các sản phẩm trên cơ sở Điều 113 của Hiệp ước về Liên minh châu Âu. Thuế này có thể đánh vào sản phẩm ngay khi thông báo.

Liên minh châu Âu thường sử dụng phương pháp thuế thấp hơn trong các vụ việc điều tra chống bán phá giá. Theo nguyên tắc thuế thấp hơn (lesser duty), nếu biên độ thiệt hại thấp hơn biên độ phá giá thì thuế suất chống bán phá giá cho nhà xuất khẩu liên quan sẽ bằng biên độ thiệt hại. Ngược lại, nếu biên độ phá giá thấp hơn biên độ thiệt hại thì thuế suất chống bán phá giá sẽ bằng biên độ phá giá. Vì vậy, biên độ thiệt hại nếu thấp hơn biên độ phá giá sẽ rất có lợi cho nhà xuất khẩu nước ngoài là bị đơn trong vụ điều tra chống bán phá giá. Trường hợp biên độ thiệt hại cao hơn biên độ phá giá thì nhà xuất khẩu nước ngoài cũng chỉ bị áp dụng mức thuế ở mức của biên độ phá giá mà thôi. Vì vậy, biên độ thiệt hại được xem là biện pháp giảm áp lực của nhà xuất khẩu liên quan, đặc biệt khi biên độ phá giá bị xác định ở mức cao. Cơ sở mà Liên minh châu Âu áp dụng nguyên tắc thuế thấp hơn là khi mức độ thiệt hại mà ngành sản xuất nội địa Liên minh châu Âu phải chịu thấp hơn biên độ phá giá, khi đó, chỉ cần áp dụng biên độ thiệt hại là đã đủ ngăn chặn được thiệt hại mà ngành sản xuất nội địa Liên minh châu Âu phải chịu do hàng hóa bán phá giá. Nguyên tắc thuế thấp hơn này về cơ bản sẽ dẫn đến biên độ phá giá thấp hơn. Chính vì vậy, khác với những trường hợp không áp dụng nguyên tắc này (nơi doanh nghiệp chỉ chú trọng đến việc tính toán biên độ phá giá làm sao để có biên độ phá giá thấp nhất có thể), ở Liên minh châu Âu, doanh nghiệp còn cần quan tâm đến việc chứng minh biên độ thiệt hại thấp nhất có thể. Nếu làm được việc này, cơ hội đạt được mức thuế suất thấp (nếu bị áp thuế) hoặc thoát khỏi vụ kiện hoàn toàn (không bị áp thuế) đối với doanh nghiệp sẽ tăng gấp đôi.

Rào cản phi thuế quan:

Ngoài những rào cản thuế quan, Liên minh châu Âu còn sử dụng các hàng rào phi thuế quan khác trong việc bảo vệ thị trường trong khối như:

Biện pháp tự vệ thương mại:

Biện pháp tự vệ thương mại là một công cụ có thể được Liên minh châu Âu sử dụng để đối phó với hiện tượng hàng hóa nhập khẩu với giá thấp và/hoặc

có lượng nhập khẩu lớn đột biến vào thị trường này gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất sản phẩm nội địa tương tự của khối này

+ Hạn ngạch:

Một số sản phẩm xuất khẩu vào Liên minh châu Âu sẽ bị thị trường này ấn định mức định lượng thông qua việc cấp hạn ngạch nhập khẩu. Hạn ngạch được Liên minh châu Âu áp dụng phổ biến nhất là cho các sản phẩm dệt may và nông sản. Mỗi nước xuất khẩu dệt may lớn sang Liên minh châu Âu sẽ bị quy định một số lượng cụ thể mà họ có thể xuất sang thị trường này. Tuy nhiên, loại hạn ngạch này đã giảm theo Hiệp định đa sọt (MFA) và được bãi bỏ hoàn toàn vào năm 2005 theo Hiệp định đối với hàng dệt may (ATC)/WTO. Đối với nông sản, sản phẩm được áp dụng hạn ngạch chủ yếu là gạo. Ngoài ra, Liên minh châu Âu có áp dụng một số hạn ngạch ưu đãi cho một số nước nhất định trong những thời điểm nhất định.

+ Hạn ngạch thuế quan:

Hạn ngạch thuế quan quy định số lượng hàng có thể nhập khẩu với thuế 0 % hoặc giảm thuế, trừ thuế chống bán phá giá đang áp dụng. Hạn ngạch thuế quan ưu đãi được Liên minh châu Âu áp dụng theo các hiệp định thương mại và các ưu đãi thỏa thuận giữa Liên minh châu Âu và một số nước. Điều này có nghĩa là một số lượng hàng hóa nhất định có xuất xứ từ một nước nhất định có thể được nhập khẩu vào Liên minh châu Âu theo điều kiện ưu đãi về thuế.

Liên minh châu Âu duy trì khoảng 90 hạn ngạch thuế quan để bảo vệ khoảng 38%² sản lượng nông nghiệp. Các nước muốn xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp vào Liên minh châu Âu cần phải có giấy phép nhập khẩu của Liên minh châu Âu. Giấy phép nhập khẩu được Liên minh châu Âu ban hành với mục đích quản lý hạn ngạch trên tất cả các sản phẩm nông nghiệp (áp dụng hạn ngạch thuế quan), chẳng hạn như ngũ cốc và các sản phẩm ngũ cốc, gạo, đường, dầu và chất béo, các sản phẩm sữa, thịt bò và thịt bê, thịt cừu và thịt dê, trái cây tươi và các loại rau...

+ Hạn chế và cấm nhập khẩu:

²[ec.europa.eu \(nd\), tariff - quotas, xem < http://ec.europa.eu/ taxation - customs / business / calculation - customs duties / what - is common - customs - tariff / tariff - quotas_en > 79](http://ec.europa.eu/taxation-customs/business/calculation-customs-duties/what-is-common-customs-tariff/tariff-quotas_en)

Liên minh châu Âu cũng có những hạn chế và cấm nhập khẩu đối với một số loại hàng hóa như:

- Các sản phẩm vi phạm bản quyền hoặc hàng nhái sẽ không được phép nhập khẩu vào Liên minh châu Âu
- Hạn chế về nhập khẩu động vật sống và các sản phẩm từ động vật.
- Các sản phẩm hóa học: Liên minh châu Âu cấm nhập khẩu những hàng hóa có chứa thủy ngân, Polyvinyl clorua (PCB) và các sản phẩm Chlorofluorocarbon (PCT), sản phẩm Procalcitonin (CFC), Hydrochlorofluorocarbons (HCFC) và chất độc hại khác liên quan đến bảo vệ môi trường và sức khỏe con người.

3.4 Chống bán phá giá và trợ cấp

Chống bán phá giá:

Luật chống bán phá giá Liên minh châu Âu quy định 04 điều kiện cơ bản để áp dụng biện pháp chống bán phá giá, đó là: (1) Hàng hóa đang bị bán phá giá (giá bán thấp hơn giá trị thương mại thông thường); (2) Ngành sản xuất nội địa của Liên minh châu Âu sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng điều tra bị thiệt hại đáng kể hoặc bị đe dọa gây thiệt hại đáng kể; (3) Có mối quan hệ nhân quả giữa hàng hóa nhập khẩu bán phá giá và thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất nội địa của Liên minh châu Âu; (4) Đánh giá tác động thực tế của việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với lợi ích của cộng đồng.

Luật chống bán phá giá của Liên minh châu Âu phân định trách nhiệm giữa Ủy ban châu Âu (được hỗ trợ bởi một ủy ban tư vấn gồm các thành viên là đại diện từ các nước thành viên Liên minh châu Âu) và Hội đồng châu Âu. Theo đó, Ủy ban châu Âu (Tổng vụ thương mại) chịu trách nhiệm tiến hành điều tra chống bán phá giá, áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời và ra quyết định có hay không chấm dứt vụ việc điều tra.

Mặc dù vậy, các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa điều tra vẫn có thể làm đơn xin được xem xét công nhận quy chế kinh tế thị trường (MET) nếu chứng minh được rằng họ hoạt động theo cơ chế kinh tế thị trường và không có sự can thiệp của Nhà nước. Nếu đơn xin công nhận quy chế kinh tế thị trường

được chấp nhận, giá trị thông thường sẽ được tính toán trên cơ sở các thông tin về giá thành do doanh nghiệp xuất khẩu cung cấp.

Trong trường hợp đơn xin công nhận quy chế kinh tế thị trường bị từ chối, các nhà xuất khẩu vẫn có thể tìm cách chứng minh mình hoạt động không có sự can thiệp của nhà nước đến giá xuất khẩu và như vậy họ có quyền yêu cầu được đối xử riêng biệt (IT) khi tính toán thuế chống bán phá giá.

Trong trường hợp bị áp thuế chống bán phá giá thì thuế chống bán phá giá sẽ có hiệu lực 5 năm kể từ 1 ngày áp thuế hoặc sau khi có kết luận xem xét lại các biện pháp chống bán phá giá. Thuế chống bán phá giá được tính toán theo thực tế phá giá hay biên độ phá giá³. Giai đoạn điều tra sơ bộ của Liên minh châu Âu được kéo dài trong vòng 3 tháng. Sau khi hoàn thành thu thập thông tin từ các bên tại các bản trả lời câu hỏi điều tra, Ủy ban châu Âu tiến hành thẩm tra tại chỗ để xác minh lại tính chính xác của các thông tin họ vừa thu thập được, căn cứ trên thông tin đã thu thập và xác minh trong quá trình thẩm tra, Ủy ban châu Âu sẽ tiến hành tính toán biên độ phá giá tạm thời cũng như xác định mức độ thiệt hại đối với ngành sản xuất nội địa làm cơ sở đề xuất biện pháp chống bán phá giá tạm thời. Căn cứ theo đó, Hội đồng châu Âu sẽ quyết định có hay không áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời. Trong khoảng thời gian giữa quyết định sơ bộ và quyết định cuối cùng (tối đa 6 tháng), Ủy ban châu Âu chỉ thu thập thêm các bình luận của các bên liên quan về quyết định sơ bộ, căn cứ theo đó để xác định biên độ phá giá chính thức.

Chống trợ cấp:

Biện pháp chống trợ cấp (hay còn gọi là biện pháp đối kháng) là biện pháp phòng vệ thương mại được Liên minh châu Âu sử dụng để đối phó với hiện tượng hàng hóa vào Liên minh châu Âu gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất sản phẩm tương tự của Liên minh châu Âu. Trợ cấp ở đây được hiểu là các khoản hỗ trợ về tài chính hoặc tương tự, mang tính riêng biệt, do Chính phủ nước xuất khẩu hoặc đơn vị được Chính phủ ủy nhiệm thực hiện đem lại lợi ích cho doanh nghiệp xuất khẩu. Đây được xem là hành vi cạnh tranh không lành mạnh, bởi nó khiến hàng hóa của doanh nghiệp khi xuất vào Liên minh châu Âu có giá thấp, không phản ánh đúng trị giá, mang lại lợi thế cạnh tranh cho hàng

³VCCI: *Kháng kiện chống bán phá giá và chống trợ cấp tại EU (Cẩm nang)*, Hà Nội, 2011

hóa xuất khẩu so với hàng hóa do ngành sản xuất nội địa Liên minh châu Âu sản xuất ra.

3.5 Hàng rào kỹ thuật (TBT):

Các quy định kỹ thuật của Liên minh châu Âu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định các rào cản kỹ thuật trong thương mại của Tổ chức thương mại thế giới, đề ra các yêu cầu an toàn tối thiểu hay các quy định các rào cản kỹ thuật trong thương mại đối với các sản phẩm trên thị trường, bao gồm:

Quy định về môi trường, an toàn sức khỏe con người:

Theo quy định này, Liên minh châu Âu cấm nhập khẩu và bán các sản phẩm có chứa các chất bị cấm (RS). Liên minh châu Âu đã ban hành một loạt các thông tư, quy chuẩn, luật, sắc luật liên quan đến vấn đề này. Cần lưu ý những quy định sau:

(European Conformity) là nhãn hiệu bắt buộc đối với hàng hoá (theo quy định) và được coi như hộ chiếu thương mại vào thị trường Liên minh châu Âu. Trước hết, CE⁴ chú trọng đến vấn đề an toàn cho người tiêu dùng và bảo vệ thiên nhiên hơn là bảo vệ chất lượng của sản phẩm. CE là bắt buộc đối với các sản phẩm, được quy định tại 28 nước thành viên Liên minh châu Âu.

Dấu CE chứng tỏ sự cam kết của nhà chế tạo rằng sản phẩm của họ đáp ứng các yêu cầu của các luật định của hội đồng châu Âu. Ý nghĩa của dấu CE không phải là chất lượng sản phẩm mà chỉ là sản phẩm đáp ứng các yêu cầu thiết yếu (các yêu cầu tối thiểu) mà luật định của châu Âu quy định. Các yêu cầu thiết yếu đó đối với sản phẩm điện tử là các yêu cầu về an toàn và có thể là các yêu cầu về tương thích điện từ trường. Thông thường các sản phẩm điện và điện tử phải chịu điều chỉnh bởi hai chỉ định: chỉ định đối với thiết bị hạ áp và chỉ định đối với tương thích điện từ trường.

Để đạt được chứng chỉ CE, các sản phẩm của Việt Nam. sản xuất khi muốn thâm nhập thị trường Liên minh châu Âu phải trải qua hàng loạt các khâu kiểm tra chặt chẽ nhằm đánh giá và bảo đảm sản phẩm này hợp chuẩn với các quy định của châu Âu. Theo đó, các tiêu chuẩn CE sẽ tiến hành kiểm tra 2 phần: CE- EMC (Tương thích điện đáp ứng các tiêu chuẩn về sức khỏe và an toàn;

⁴Chữ CE tiếng Pháp là *Conformance de Europe*, Theo Luật định của cộng đồng châu Âu, hầu hết các sản phẩm điện - điện tử đều phải mang dấu chứng chỉ CE mới được lưu thông trên thị trường châu Âu

buộc các nhà sản xuất và các nhà nhập khẩu phải có trách nhiệm từ) và CE- RF (Độ phát xạ của phần thu phát không dây.

Ngoài ra, các sản phẩm điện, điện tử cũng phải đạt tiêu chuẩn Safety được đo theo bộ tiêu chuẩn: AS/NZS 60669.2.1. Đây chính là ba bộ tiêu chuẩn quốc tế, có khả năng tương thích nhiều thị trường nước ngoài như: Niu Dilân, Ôxtrâyliia và 28 quốc gia thành viên Liên minh châu Âu. Tuy nhiên, nhãn CE không áp dụng cho tất cả các sản phẩm công nghiệp, nó không áp dụng cho các sản phẩm trang trí nội thất, quần 93 LO áo và các sản phẩm da.

Quy định đăng ký, đánh giá, cấp phép và hạn chế sử dụng các loại hóa chất (REACH); Quy định số 1907/2006/EC của Nghị viện và Hội đồng châu Âu ngày 18-12-2006 đã thành lập Cơ quan Hóa chất châu Âu.

Tiêu chuẩn về chất lượng: Hiện tại, hai hệ thống tiêu chuẩn mang tính phổ biến nhất áp dụng tự nguyện cho hàng may mặc nhập khẩu vào Liên minh châu Âu là tiêu chuẩn ISO 14001 và EMAS (The European Eco - Management and Audit scheme). Cả hai đều dựa trên tiêu chuẩn quản lý chất lượng của Tổ chức thương mại thế giới là ISO 9000. Đối với bộ tiêu chuẩn EMAS, chủ yếu được áp dụng rộng rãi nhất tại Đức. Hệ thống EMAS tương đối khó đối với doanh nghiệp và tốn nhiều chi phí vì vậy, các doanh nghiệp nên áp dụng theo tiêu chuẩn ISO 14001,

Các điều kiện về lao động:

Cùng với các quy định về chất lượng sản phẩm, khâu đóng gói bao bì... Liên minh châu Âu cũng quan tâm đến việc cải thiện điều kiện lao động trong các doanh nghiệp. Những quy định về điều kiện lao động và trách nhiệm xã hội được Liên minh châu Âu áp dụng theo tiêu chuẩn SA 8000 và SA 8001. Theo đó, một số chiến dịch được thực hiện, như: chiến dịch quần áo sạch, quy tắc đạo đức, điển hình là quy tắc thương mại công bằng, trong đó xem xét các vấn đề về chi phí ăn uống, mức độ tự do trong công ty, không phân biệt đối xử, điều kiện về an toàn và sức khỏe nơi làm việc...

Quy định về xuất xứ hàng hóa:

Liên minh châu Âu đặc biệt quan tâm tới vấn đề xuất xứ hàng hóa, vì nó liên quan đến việc có được hưởng chế độ ưu đãi thuế của Liên minh châu Âu

hay không? Việc xem xét và đánh giá nguồn gốc xuất xứ hàng hóa xuất khẩu vào Liên minh châu Âu là dựa trên cơ sở nguyên liệu sản xuất tại chính nước đó

3.6 An toàn vệ sinh thực phẩm và kiểm dịch thực vật

Hầu hết các quy chuẩn của Liên minh châu Âu đều tuân thủ Hiệp định biện pháp kiểm dịch động, thực vật của Tổ chức thương mại thế giới và được ghi rõ trong Luật An toàn thực phẩm của Nghị viện châu Âu. Tuy nhiên, một số biện pháp của Liên minh châu Âu quy định tiêu chuẩn còn cao hơn Hiệp định của Tổ chức thương mại thế giới. Đạo Luật trên có hiệu lực trong toàn bộ các nước thành viên Liên minh châu Âu. Để có thể thực hiện được đạo luật này, Ủy ban châu Âu sử dụng hai công cụ pháp lý: Thứ nhất là, các chỉ thị, trong đó đặt ra một mục tiêu, nhưng cho phép các cơ quan quốc gia xác định mục tiêu chắc chắn đạt được và mục tiêu này cần phải được luật hóa trong pháp luật quốc gia đó. Thứ hai là, các quy định, đó là “trực tiếp áp dụng” và trở thành luật trong tất cả các nước thành viên ngay sau khi có hiệu lực, mà không cần phải thay đổi luật pháp quốc gia.

Khi xuất khẩu hàng hóa thực phẩm vào thị trường Liên minh châu Âu các doanh nghiệp cần phải tuân thủ theo Bộ luật nhập khẩu thực phẩm của Liên minh châu Âu và Bộ luật này được thể hiện qua 5 hệ thống luật.

Ngoài ra, việc tuân thủ theo luật nhập khẩu, các doanh nghiệp xuất khẩu thực phẩm của Việt Nam sang thị trường Liên minh châu Âu cũng cần phải chú ý và tuân thủ theo một số quy định khác như: Quy định về vệ sinh thực phẩm năm 2006 (Food Hygiene Regulations) cung cấp cho các cơ quan hiện hành của pháp luật về an toàn thực phẩm trong Liên minh châu Âu bằng bất kỳ phương tiện nào, bao gồm tất cả các yêu cầu an toàn thực phẩm mà các doanh nghiệp thực phẩm cần phải được nhận thức. Ví dụ, một số lượng lớn các “quy định thực hiện” mới cũng đã được giới thiệu để đối phó với các chủ đề cụ thể và sửa đổi các quy định vệ sinh. Một trong những quy định quan trọng nhất thực hiện cho tất cả các doanh nghiệp thực phẩm là Quy định số 2073/2005/EC (Regulation 2073/2005/ EC on microbiological criteria for foodstuffs⁵) về tiêu chuẩn vi sinh cho thực phẩm (thường được gọi là MCR) có hiệu lực từ ngày 01-01-2006. Quy định này mang lại tiêu chuẩn vi sinh vật đối với thực phẩm cụ thể mà trước đây

⁵European Commission: COMMISSION REGULATION (EC) No 2073/2005 on microbiological criteria for foodstuff, Official Journal of the European communities, 2005, xem: < <http://eurlex.europa.eu/LexUriServ/LexUriServ.do?uri=OJ:L:2005:338:0001: 0026: EN: PDF> >

đã được quy định trên một số chỉ thị dọc và trình bày chúng trong một định dạng phổ biến. Tiêu chuẩn vi sinh vật (2073/2005/EC) (áp dụng từ 01-01 2006 hạn cuối cùng 31-12-2009).

Tiêu chuẩn vệ sinh cho thực phẩm bao gồm một số các tiêu chuẩn pháp luật trước đó ở dạng không thay đổi, nhưng một số khác đã bị loại bỏ và một số tiêu chuẩn mới đã được giới thiệu. Mục đích chính của các tiêu chuẩn trong Quy định này là xác nhận và xác minh các thủ tục phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn, hơn là kiểm soát an toàn thực phẩm độc lập. Điều quan trọng là tất cả các doanh nghiệp thực phẩm phải nhận thức được các yêu cầu của Quy định này. Quy định số 1881/2006/EC: Quy định về chất gây ô nhiễm thực phẩm⁶.

Ngày 01-3-2007, ba quy định của châu Âu đã có hiệu lực, nhằm đối phó với một loạt các chất gây ô nhiễm hóa học trong thực phẩm. Điều quan trọng nhất của những quy định từ một điểm công nghiệp thực phẩm là, Quy định số 1881/2006/EC, thay thế cho Quy định số 466/2001/EC và đặt mức tối đa cho phép đối với chất gây ô nhiễm nhất xem định trong thực phẩm.

Truy xuất nguồn gốc thực phẩm, thủy sản xuất khẩu vào Liên minh châu Âu từ 01-01-2005 hạn cuối 01-01- 2010 và truy xuất với các sản phẩm thủy sản khai thác tự nhiên (IUU-đánh bắt trái phép, không báo cáo).

Quy định số 1250/2008/EC⁷: Liên minh châu Âu đã áp dụng chứng thư vệ sinh mới cho thủy sản nhập khẩu vào khu vực này. Kể từ ngày 30-6-2009, chỉ chứng thư mới mới được chấp nhận cho một số lô hàng thủy sản nhập khẩu vào Liên minh châu Âu. Hai chứng thư mới này là: chứng thư cho các sản phẩm thủy sản nuôi và chứng thư cho các sản phẩm nhuyễn thể 2 mảnh vỏ sống. Các yêu cầu chứng nhận đối với thủy sản, động vật thân mềm có vỏ tươi sống, động vật không xương sống da gai, động vật túi nang và động vật thuộc lớp chân bụng ở biển dùng làm thực phẩm cho người được nhập khẩu.

⁶European Commission: Regulation (EC) No 1881/2006 of 19 December 2006 setting maximum levels for certain contaminants in foodstuffs, Official Journal of the European Communities, 2007, < <https://www.ecolex.org/details/legislation/commission-regulation-ec-no-18812006-setting-maximum-levels-for-certain-contaminants-in-foodstuffs-lex-faoc068134>

⁷European Commission: COMMISSION REGULATION (EC) No 1250/2008 of 12 December 2008 amending Regulation (EC) No 2074/2005 as regards certification requirements for import of fishery products, live bivalve molluscs, echinoderms, tunicates an, Official Journal of the European Communities, 2006, xem < <http://eur-lex.europa.eu/LexUriServ/LexUriServ.do?uri=OJ:L:2008:337:0031:0040:EN:PDF>

Quy định số 166/2006/EC, có hiệu lực từ ngày 25-11-2006 nhưng vẫn cho phép được sử dụng mẫu giấy chứng nhận cũ đến ngày 01-5-2007. Kể từ ngày 01-5-2007, bắt buộc các hàng hoá trên khi xuất khẩu vào Liên minh châu Âu phải có giấy chứng nhận kiểu mới.

Như vậy, với các quy định và tiêu chuẩn về nhập khẩu hàng hóa vào Liên minh Châu Âu, trước tình hình thực tế với những quy chuẩn chặt chẽ, hoạt động xuất khẩu của Việt Nam muốn đạt được hiệu quả, mở rộng thị trường, tăng số lượng bán hàng, số lượng hàng xuất khẩu thì phải thực hiện đúng và đầy đủ các quy định trên và thường xuyên theo dõi, cập nhập các thông tin, quy định mới về tiêu chuẩn hàng hóa nhập khẩu vào Liên minh Châu Âu.

Tài liệu tham khảo

1. *Official Journal of the European Union (2016): Commission Implementing Regulation (EU) 2016/1821 of 6 October 2016 amending Annex I to Council Regulation (EEC) No 2658/87 on the tariff and statistical nomenclature and on the Common Customs Tariff, Volume 59, 28-10-2016*
2. *ec.europa.eu (nd), tariff - quotas, xem <[http://ec.europa.eu/taxation - customs / business/calculation - customs duties / what - is common - customs - tariff / tariff - quotas_en](http://ec.europa.eu/taxation-customs/business/calculation-customs-duties/what-is-common-customs-tariff/tariff-quotas_en)> 79*
3. *VCCI: Kháng kiện chống bán phá giá và chống trợ cấp tại EU (Cẩm nang), Hà Nội, 2011*
4. *Chữ CE tiếng Pháp là Conformance de Europe, Theo Luật định của cộng đồng châu Âu, hầu hết các sản phẩm điện - điện tử đều phải mang dấu chứng chỉ CE mới được lưu thông trên thị trường châu Âu*
5. *European Commission: COMMISSION REGULATION (EC) No 2073/2005 on microbiological criteria for foodstuff, Official Journal of the European communities, 2005, xem: <<http://eur-lex.europa.eu/LexUriServ/LexUriServ.do?uri=OJ:L:2005:338:0001:0026:EN:PDF>>*
6. *European Commission: Regulation (EC) No 1881/2006 of 19 December 2006 setting maximum levels for certain contaminants in foodstuffs, Official Journal of the European Communities, 2007, <[https://www.ecolex.org/details/ legislation / commission regulation - ec - no - 18812006 - setting - maximum - levels - for - certain contaminants - in - foodstuffs - lex - faoc068134](https://www.ecolex.org/details/legislation/commission-regulation-ec-no-18812006-setting-maximum-levels-for-certain-contaminants-in-foodstuffs-lex-faoc068134)>*
7. *European Commission: COMMISSION REGULATION (EC) No 1250/2008 of 12 December 2008 amending Regulation (EC) No 2074/2005 as regards certification requirements for import of fishery products, live bivalve molluscs, echinoderms, tunicates an, Official Journal of the European Communities, 2006, xem <<http://eur-lex.europa.eu/LexUriServ/LexUriServ.do?uri=OJ:L:2008:337:0031:0040:EN:PDF>>*